Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 04.01.2023 15:17:28 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 13 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 04 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường công suất 90.000m³ nguyên khối/năm tương đương 108.000 m³ nguyên khai/năm của Công ty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 8252/STNMT-PBVMT ngày 06/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường công suất 90.000m³ nguyên khối/năm tương đương 108.000 m³ nguyên khai/năm tại ấp Phước Trung, xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường công suất 90.000m³ nguyên khối/năm tương đương 108.000 m³ nguyên khai/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 15/CVMT ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: ..1652../TTr-STNMT ngày 21 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng

thông thường công suất 90.000m^3 nguyên khối/năm tương đương 108.000 m^3 nguyên khai/năm (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại ấp Phước Trung, xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Châu Thành;
- UBND xã Phước Vinh;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI ẤP PHƯỚC TRUNG, XÃ PHƯỚC VINH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH CỦA CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN NGỌC PHÁT TÀI

(Kèm theo Quyết định số.....15.../QĐ-UBND ngày ..04 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường.

- Địa điểm thực hiện Dự án: ấp Phước Trung, xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Chủ Dự án: Công ty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 5,33 ha có tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN2000 KT 105° 30' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1 262 214,59	543 786,62
2	1 262 216,36	543 793,03
3	1 262 161,42	543 826,34
4	1 262 131,73	543 832,70
5	1 261 931,96	543 870,79
6	1 261 918,96	543 818,35
7	1 261 917,70	543 757,30
8	1 261 903,00	543 754,00
9	1 261 902,00	543 726,00
10	1 261 913,06	543 668,84
11	1 262 027,47	543 684,65
12	1 262 096,34	543 691,46
13	1 262 099,34	543 670,72
14	1 262 103,89	543 655,29
15	1 262 108,52	543 630,87

Điểm góc	Tọa độ VN2000 KT 105° 30' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
16	1 262 110,48	543 616,16
17	1 262 116,40	543 585,52
18	1 262 118,34	543 562,22
19	1 262 125,71	543 532,88
20	1 262 158,31	543 543,01
21	1 262 180,00	543 555,00
22	1 262 180,87	543 555,83
23	1 262 182,14	543 557,39
24	1 262 194,36	543 573,16
25	1 262 141,37	543 759,91
26	1 262 186,50	543 753,16
27	1 262 199,59	543 756,45

- Mục tiêu: khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường.

- Quy mô công suất khai thác: 90.000 m^3 nguyên khối/năm tương đương 108.000 m^3 nguyên khai/năm, trong đó: đất làm vật liệu san lấp là 26.010 m^3/năm (nguyên khối) tương ứng 31.212 m^3/năm (nguyên khai), đất làm gạch là 63.990 m^3/năm (nguyên khối) tương ứng 76.788 m^3/năm (nguyên khai), (hệ số nở rời là 1,2); tuổi thọ của mỏ là 3,5 năm, bao gồm thời gian xây dựng cơ bản (2 tháng), thời gian khai thác (3,3 năm).

1.3. Công nghệ khai thác của Dự án:

- Áp dụng công nghệ khai thác mỏ lộ thiên, gồm: Xúc bốc, phân loại tầng sản phẩm tại gương khai thác bằng máy xúc (loại 1,2 m^3/gầu) → Vận chuyển sản phẩm bằng ô tô (loại 15 tấn) → tiêu thụ.

- Trình tự khai thác: Tiến hành khai thác theo hình thức chia khoảnh từ Bắc về Nam, khai thác theo tuyến xúc từ Tây sang Đông dọc theo chiều rộng biên mới mỏ.

- Độ sâu khai thác: cote -2,8m tương đương độ sâu trung bình 7,0 m từ mặt địa hình nguyên thủy.

- Số tầng khai thác: 4 tầng (h_1, h_2, h_3, h_4).

- Chiều cao tầng kết thúc: $h_1 = h_2 = 1,5$m và $h_3 = h_4 = 2$m.

1.4. Các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính của Dự án: khai trường.

- Hạng mục công trình phụ trợ: nhà điều hành, hệ thống đường vận chuyển nội mỏ.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: kho chứa chất thải nguy hại, khu bố trí thùng đựng rác thải sinh hoạt.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác: thời gian thực hiện 2 tháng; hoạt động thu dọn mặt bằng; đắp đê bao xung quanh khai trường; trồng cây xanh, lắp đặt hàng rào, biển báo xung quanh moong khai thác; thi công hệ thống thoát nước; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển.

- Trong giai đoạn khai thác: thời gian thực hiện 3,3 năm; hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình khai thác: đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong; chăm sóc và trồng dặm cây xanh; cải tạo hệ thống thoát nước; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác: thời gian thực hiện 6 tháng; san gạt đáy moong; tháo dỡ các công trình, làm sạch mặt bằng khu vực lán trại; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải

- Do tính chất đặc thù của Dự án là khi khách hàng có nhu cầu, công nhân của Công ty mới sử dụng xe cuốc đào, xúc vật liệu xây dựng thông thường lên xe vận chuyển đến vị trí cần đổ của khách hàng, vì vậy công nhân chỉ tập trung tại khu mỏ khai thác khi có yêu cầu, tại khu mỏ khai thác không có công nhân sinh hoạt nên không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nguồn nước phát sinh chủ yếu của Dự án là trong moong khai thác gồm có nước mưa rơi trong khu vực khai trường, nước mưa chảy tràn trên bề mặt; thành phần chủ yếu là chất thải rắn lơ lửng (SS) do nước mưa chảy tràn trên bề mặt cuốn trôi xuống.

3.1.2. Khí thải

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thu dọn mặt bằng; đắp đê bao xung quanh khai trường; trồng cây xanh, lắp đặt hàng rào, biển báo xung quanh moong khai thác; thi công hệ thống thoát nước; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển.

- Trong giai đoạn khai thác: bụi phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị: đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong; chăm sóc và trồng

dặm cây xanh; cải tạo hệ thống thoát nước; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác: bụi phát sinh từ hoạt động tháo dỡ các công trình làm sạch mặt bằng khu vực lán trại; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thông số ô nhiễm đặc trưng của khí thải: bụi, CO_x, NO_x, SO_2, VOCs,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 08 công nhân viên, với khối lượng khoảng 6,8 kg/ngày; thành phần chủ yếu là bao bì nhựa, vỏ hộp, thủy tinh, nylon, thức ăn thừa, vỏ trái cây,…

+ Rác thải vật liệu xây dựng: phát sinh từ hoạt động xây dựng khu văn phòng phụ trợ, với khối lượng khoảng 50 kg; thành phần chủ yếu là cát, gạch, phế liệu sắt thép vụn,…

+ Chất thải nguy hại: phát sinh từ hoạt động sửa chữa máy móc thiết bị, lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10 kg. Thành phần bao gồm các loại chất thải như: bao bì cứng thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.

- Trong giai đoạn khai thác:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 12 công nhân viên, với khối lượng khoảng 10,2 kg/ngày; thành phần chủ yếu là rác thực phẩm, các loại túi nilon, giấy văn phòng, hộp nhựa,…

+ Chất thải rắn từ quá trình chăm sóc và trồng dặm cây xanh; cải tạo hệ thống thoát nước; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; khối lượng phát sinh khoảng 10kg/ngày; thành phần: bao bì, thực bì,…

+ Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 100 kg/năm. Thành phần bao gồm các loại chất thải như: giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại thải; dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải; bao bì cứng thải.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác:

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của 05 công nhân viên; khối lượng phát sinh khoảng 4,25kg/ngày; thành phần: bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa,…

+ Chất thải rắn từ hoạt động tháo dỡ các công trình làm sạch mặt bằng khu vực lán trại; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường; khối lượng phát sinh khoảng 500kg; thành phần: tôn, cột kèo thép,...

+ Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 12kg; thành phần: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác: phát sinh từ hoạt động của máy móc san ủi, thiết bị chặt hạ cây cối và thiết bị vận chuyển, xúc bốc,... tại khu vực dự án: độ ồn khoảng 96,5 dBA.

- Trong giai đoạn khai thác:

+ Phát sinh từ hoạt động của máy móc san ủi, thiết bị chặt hạ cây cối và thiết bị vận chuyển, xúc bốc,... tại moong khai thác: mức ồn dự báo cách nguồn ồn 15m là 102,7 dBA.

+ Phát sinh từ hoạt động đường vận chuyển: mức ồn dự báo cách nguồn ồn 15m là 61,2 dBA.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động tháo dỡ các công trình, duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường.

4. Các công trình và biện pháp bảo về môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải:

Nước trong moong khai thác: trong moong khai thác thiết kế các hố thu gom nước để lắng cặn trước khi bơm ra hệ thống thoát nước của moong chảy ra mương nội đồng cách Dự án khoảng 140m về phía Tây sau đó chảy ra sông Vàm Cỏ Đông.

4.1.2. Đối với thu gom, xử lý khí thải:

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác: Chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển vật liệu xây dựng thông thường như: thực hiện tưới nước tuyến đường vận chuyển; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; ...

- Trong giai đoạn khai thác:

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Phủ bạt kín thùng xe chở vật liệu xây dựng thông thường, yêu cầu tài xế chạy xe với tốc độ đảm bảo an toàn giao thông, không để làm rơi vật liệu xây dựng thông thường trong quá trình vận chuyển.

+ Bố trí xe phun nước (bồn chứa 5m^3), tưới nước thường xuyến trên tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đường nhựa liên xã dài 1000m vào ngày nắng để hạn chế bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng thông thường.

+ Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng thông thường từ mỏ ra tuyến đường nhựa dài 1.000m

+ Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác nhằm tạo bóng mát, ngăn ngừa phát tán bụi và củng cố bờ đê bao thêm bền vững, ngăn chặn các hiện tượng sạt lỡ, nứt gãy bờ moong khai thác.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác:

+ Thu dọn công trường thường xuyên vào cuối mỗi ngày làm việc.

+ Tiến hành tháo dỡ các công trình phụ trợ nhanh gọn;

+ Công nhân khi thực hiện tháo dỡ phải mang khẩu trang, nón bảo hộ, bao tay.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường thu gom, xử lý khí thải: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác mỏ (QCVN 04:2009/BCT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên) và các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành (QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào các thùng chứa có dung tích 120 lít, 01 cái, bố trí tại cổng ra vào mỏ; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển lượng chất thải này đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường: Chủ dự án bố trí nhân viên thu dọn mặt bằng, thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, phân loại, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Kho lưu chứa chất thải nguy hại (diện tích 4m^2) có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo

tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện thu gom, phân loại, giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình khai thác tại Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị, máy móc và phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Bố trí thời gian hoạt động của máy móc, thiết bị phù hợp, hạn chế sử dụng các máy móc, thiết bị gây ồn lớn trong cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng từ tiếng ồn, độ rung tới sức khỏe công nhân.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Giai đoạn trước khi đi vào hoạt động khai thác khoáng sản:

+ Lắp dựng 27 điểm cột mốc ranh mỏ

+ Lắp đặt hàng rào kẽm gai xung quanh khu vực mỏ dài 1.220 m, gồm: 407 trụ bê tông (khoảng giữa các trụ là 3m), dây kẽm gai kéo thành 9 hàng ngang và các hàng dọc tạo thành ô lưới có kích thước 20x30cm.

+ Lắp đặt 24 biển báo quanh ranh mỏ, khoảng cách 50m/biển báo.

+ Đổ móng trụ hàng rào, biển báo: đối với trụ hàng rào kẽm gai: dài 0,4m, rộng 0,4m và sâu 0,5m, số lượng 171 trụ; đối với cột mốc ranh: dài 0,5m, rộng 0,4m và sâu 0,3m, số lượng 8 cột; đối với bảng thông báo: dài 0,5m, rộng 0,4m và sâu 0,5m, số lượng 1 trụ.

+ Đắp đê bao trên phần trụ bờ bao để lại là 3m, kích thước cao 1m, rộng đáy trên 1m, rộng đáy dưới 2m.

+ Trồng cây xung quanh moong khai thác, dọc theo bờ moong trồng 3 hàng cây (trồng xen kẽ 2 hàng keo lá tràm và 1 hàng cây dầu).

+ Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất sỏi dẫn vào mỏ (dài 300m, rộng 6m)

+ Lắp đặt bảng thông báo tóm tắt thông tin của dự án đặt trước vị trí ra vào khu mỏ, bằng bê tông cốt thép hình chữ nhật, kích thước biển báo 1,0 m x 1,2 m.

- Giai đoạn khai thác:

+ Duy tu biển báo nguy hiểm và hàng rào kẽm gai.

+ Chăm sóc và trồng dặm 20% cây xanh.

+ Củng cố, sửa chữa bờ moong bị sạt lở, chiều dài củng cố bờ mỏ bằng với chu vi mỏ là 1.220 m, khối lượng thi công khu vực là 244 m^3.

+ Duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất sỏi bị hư hỏng do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra có chiều dài 1.000m, rộng 6m, khối lượng đất bỏ ra để thực hiện vá dặm, duy tu là 400 m^3 đất (tương ứng 4 lần).

+ Thực hiện chương trình giám sát môi trường.

- Giai đoạn kết thúc khai thác:

+ Lắp đặt 02 cống thoát nước tại vị trí gần điểm mốc số 18, tọa độ: X = 543535; Y = 1262126, nước được lưu thông với mương nội đồng nhờ mương thoát nước (rộng 2m, dài 140m); mỗi cống có kích thước D=600mm, L=3m, dày 8cm.

+ Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000 với khối lượng thực hiện 5,33 ha.

+ Tháo dỡ công trình nhà điều hành tạm diện tích 124m^2.

+ Duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất sỏi bị hư hỏng do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra có chiều dài 1.000m, rộng 6m, khối lượng đất bỏ ra để thực hiện vá dặm, duy tu là 100 m^3 đất.

+ Giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
A	**GIAI ĐOẠN 1**	Trước khi đi vào hoạt động khai thác khoáng sản: 1 tháng.		
1	Lắp đặt mốc ranh mỏ	27	cột mốc	Trước khi tiến hành khai thác: Thời gian thực hiện 1 tháng
2	Lắp đặt hàng rào bảo vệ mỏ			
2.1	Chiều dài lắp đặt lưới rào	1.220	m	
2.2	Số lượng trụ bê tông	407	trụ bê tông	
2.3	Dây kẽm gai	1.403	kg	

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
3	Lắp đặt biển báo quanh ranh mỏ	24	Biển báo	
4	Đổ móng trụ rào kẽm gai	34,28	m^3	
5	Đắp đê bao quanh mỏ	18,3	100 m^3	
6	Trồng cây keo xung quanh ranh mỏ			
	Cây keo lá tràm	*1.220*	*cây*	
	Cây dầu	*488*	*cây*	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất sỏi dẫn vào mỏ	100	m^3	
8	Lắp đặt bảng thông báo tóm tắt thông tin của dự án	1	Bảng	
B	**GIAI ĐOẠN 2**	Trong thời gian khai thác khoáng sản: Tính từ tháng thứ 2 của năm 1 đến khi kết thúc khai thác.		
1	Duy tu biển báo và hàng rào kẽm gai	10% x Tổng khối lượng lắp dựng hàng rào và biển báo		Thực hiện thường xuyên trong quá trình khai thác
2	Củng cố bờ moong mỏ	2,44	100 m^3	
3	Trồng dặm số cây chết			
	Cây keo lá tràm	*244*	*cây*	Hằng năm
	Cây dầu	*98*	*cây*	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất sỏi dẫn vào mỏ	400	m^3	
5	Thực hiện chương trình giám sát môi trường	-	-	
C	**GIAI ĐOẠN 3**	Sau khi kết thúc khai thác		
1	Lắp đặt hệ thống thoát nước	2	Cống	Sau khi kết thúc khai thác
2	Đo vẽ địa hình kết thúc khai thác	ha	5,33	Sau khi kết thúc khai thác

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
3	Tháo dỡ nhà điều hành	m^2	124	Sau khi kết thúc khai thác
D	**Khu vực xung quanh không thuộc diện tích được giao quản lý nhưng bị thiệt hại do các hoạt động khai thác**			
	Duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất sỏi dẫn vào mỏ.	100	m^3	Sau khi kết thúc khai thác
	Giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường	-	-	

4.4.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 652.669.135 đồng (*Sáu trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng*).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 4 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 163.167.283 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng*).

+ Số tiến ký quỹ lần thứ 2 và lần thứ 4, mỗi lần ký quỹ phải nộp: 163.167.284 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi bốn đồng*).

- Thời điểm ký quỹ:

+ Lần đầu: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần thứ 2 và lần thứ 4: phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

(*Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá về số tiền ký quỹ trong các năm tiếp theo sau năm 2022*).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, địa chỉ: đường 30/4, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, điện thoại liên hệ: 0276.3813664.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động đến giao thông địa phương như: yêu cầu tài xế chạy xe với tốc độ đảm bảo an toàn giao thông, không uống

rượu, bia khi lái xe, không để làm rơi vật liệu xây dựng thông thường trong quá trình vận chuyển; ứng phó, hạn chế tối đa các tác động đến hoạt động giao thông của địa phương.

- Cải tạo moong khai thác thành hồ chứa nước phải có hệ thống lưu thông nước với các khu vực bên ngoài; xây dựng kè bờ chắc chắn và cải tạo đê bảo vệ, đưa các tầng kết thúc về trạng thái an toàn và đảm bảo kỹ thuật; trồng cây xanh xung quanh moong để bảo vệ đảm bảo không cho súc vật và người vào; lập hàng rào và biển báo nguy hiểm tồn tại vĩnh viễn, ghi rõ độ sâu của moong; duy tu, bảo trì công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ,... đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giám sát môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (Giám sát trong điều kiện dự án đang hoạt động).

- Vị trí giám sát: 02 điểm

+ 01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của hoạt động khai thác (cuối hướng gió, cách khu vực khai thác khoảng 30m);

+ 01 điểm tại tuyến đường ngoài mỏ.

- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất: thường xuyên, liên tục.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải nguy hại.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.3. Chương trình giám sát khác:

Thường xuyên giám sát hiện tượng trượt lở bờ moong khai thác đặc biệt là vào mùa mưa; bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra bờ moong khai thác, thực hiện bơm thoát nước kịp thời.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Đảm bảo quy mô, diện tích bố trí các hạng mục công trình phù hợp, đáp ứng các điều kiện an toàn, môi trường theo quy định hiện hành.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong các giai đoạn chuẩn bị khai thác, khai thác, kết thúc Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu

trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này và theo quy định pháp luật.

- Tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.